

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH số 291-TTg ngày 20-8-79**  
về việc tổ chức tiền lương của  
công nhân xếp dỡ.

Để đáp ứng yêu cầu cải tiến tổ chức lao động ở các cơ sở xếp dỡ cũng như yêu cầu xây dựng lực lượng công nhân xếp dỡ thành lực lượng công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ, có đủ năng lực đảm

nhiệm công tác xếp dỡ với hiệu quả cao nhất.

Theo đề nghị của Bộ Lao động và Bộ Giao thông vận tải, Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức tiền lương của công nhân xếp dỡ như sau:

1. Tất cả công nhân xếp dỡ làm việc theo một quy trình công nghệ xếp dỡ được xếp vào một thang lương công nhân kỹ thuật xếp dỡ có 7 bậc với các mức lương như sau:

Cấp bậc	1	2	3	4	5	6	7
Mức lương thời gian (tháng)	40đ	46đ	53đ	62đ	72đ	84đ	98đ

Khung bậc lương của công nhân được xếp trong thang lương công nhân kỹ thuật xếp dỡ:

— Công nhân bồi trợ, từ bậc 1 đến bậc 4;

— Công nhân xếp dỡ, từ bậc 3 đến bậc 6;

— Công nhân sử dụng các loại xe máy vận chuyển, từ bậc 2 đến bậc 6;

— Công nhân sử dụng các loại cần cẩu, từ bậc 3 đến bậc 7.

Việc sắp xếp công nhân vào các bậc lương phải căn cứ vào tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật của từng chức danh do Bộ Giao thông vận tải căn cứ vào yêu cầu

kỹ thuật và quy trình công nghệ xếp dỡ để quy định, sau khi có sự thỏa thuận của Bộ Lao động.

Những công nhân đặc biệt giỏi được hưởng khoản phụ cấp từ 10% đến 30% lương cấp bậc theo chế độ hiện hành.

2. Hình thức trả lương chủ yếu của công nhân xếp dỡ là lương trả theo sản phẩm, tính theo tấn xếp dỡ, bảo đảm đúng quy trình xếp dỡ đã quy định, không để mất mát, hư hỏng hàng hóa thuộc khâu xếp dỡ đảm nhận. Mức lương tháng dùng làm cơ sở để tính đơn giá trả lương theo sản phẩm quy định như sau:

Loại hàng	Mức lương chính để tính giá
1. Xếp dỡ các loại quặng mỏ, các loại hàng nặng, khó xếp dỡ, các loại hàng có chất độc	84 đồng/tháng <sup>(1)</sup>
2. Xếp dỡ các loại hàng khác các loại trên	76 đồng/tháng
3. Công việc phục vụ trong xếp dỡ như chèn lót, kê kích, thu dọn, đóng gói...	53 đồng/tháng
	(1) Không tính thêm phụ cấp độc hại

Ngoài các mức lương cơ bản trên đây, khi tính đơn giá trả lương, được tính thêm các khoản phụ cấp như phụ cấp khu vực, phụ cấp bốc xếp và tỷ lệ khuyến khích trả lương theo sản phẩm.

3. Việc trả lương trong những thời gian làm công việc khác cũng như trong những thời gian ngừng việc vì hoàn cảnh khách quan, đều áp dụng theo chế độ trả lương hiện hành.

4. Phụ cấp làm đêm được tính trả cho những ca làm đêm theo chế độ hiện hành.

5. Quyết định này được áp dụng trước ở cảng Hải Phòng và sẽ cho áp dụng ở cảng Đà Nẵng và cảng Sài Gòn sau khi chấn chỉnh tổ chức lao động xếp dỡ ở các cảng này.

Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chuẩn bị chu đáo, tạo mọi điều kiện để tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả, đảm bảo tổ chức lao động và tổ chức tiền lương hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động ở các cảng. Sau một thời gian thực hiện, Bộ Giao thông vận tải sẽ cùng Bộ Lao động tổng kết, đề nghị bổ sung chính sách và mở rộng phạm vi áp dụng ở các cơ sở xếp dỡ khác có cùng điều kiện.

Các đồng chí Bộ trưởng Bộ Lao động và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 1979

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

## CÁC BỘ

### BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ** số 10-TC/TNCTN ngày 4-9-1979 hướng dẫn việc thu thuế đối với các tổ chức tập thể lương y nuôi trồng, chế biến dược liệu.

Hội đồng Chính phủ đã ban hành nghị quyết số 266-CP ngày 19-10-1978 về việc phát triển y học dân tộc cổ truyền kết hợp chặt chẽ với y học hiện đại. Điều 5, mục III nghị quyết trên quy định: « Các tổ chức chăn trị tập thể lương y có nuôi trồng và chế biến dược liệu đều được miễn thuế. Đối với các hợp tác xã chuyên nuôi trồng và chế biến dược liệu bán cho Nhà nước, thì thu mức thuế thấp hơn so với thuế nông nghiệp, phần chênh lệch với thuế nông nghiệp được trích bổ quỹ tích lũy của hợp tác xã ».

Để thực hiện nghị quyết trên của Hội đồng Chính phủ và góp phần khuyến khích các tổ chức lương y tập thể và hợp tác xã nông nghiệp phát triển nuôi trồng, chế biến thuốc phục vụ nhân dân, Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành chính sách thuế như sau:

#### 1. Thuế nông nghiệp:

a) Các tổ chức tập thể lương y được Ủy ban nhân dân huyện, thị hoặc quận cho phép thành lập và hoạt động theo sự hướng dẫn của Sở, Ty y tế và các tập thể lương y trong các trạm y tế xã hoặc trong các cơ quan y tế Nhà nước trồng các loại cây dược liệu để chế biến, sử dụng phục vụ cho việc chữa bệnh, đều được miễn thuế nông nghiệp kể cả trồng trên diện tích đang chịu thuế cũng được miễn thuế.

b) Các hợp tác xã nông nghiệp, nếu được Ủy ban nhân dân huyện giao kế hoạch trồng cây dược liệu và bán sản phẩm cho Nhà nước thì được giảm 10%

số thuế nông nghiệp tính trên diện tích ruộng đất trồng cây dược liệu để bỏ vào quỹ tích lũy của hợp tác xã.

Cách tính số thuế được giảm nói trên:

$$\text{Số thuế được giảm bỏ quỹ hợp tác xã} = \left[ \frac{\text{Thuế xuất của hợp tác xã} \times \text{Sản lượng chịu thuế trên đất trồng cây dược liệu}}{100} \right] \times 10$$

## 2. Thuế công thương nghiệp:

### a) Thuế doanh nghiệp.

— Không thu thuế doanh nghiệp đối với các tổ chức chăn trị tập thể lương y được cơ quan y tế cho phép khám bệnh, cho đơn và tự trồng cây thuốc để chế biến chữa bệnh trực tiếp cho người bệnh.

— Thu 1% trên doanh số bán ra đối với các cơ sở lương y tập thể đi sưu tầm, thu mua dược liệu để chế biến thuốc chữa bệnh cho nhân dân theo sự hướng dẫn của Bộ Y tế.

— Thu 4% trên doanh số bán ra đối với các cơ sở lương y tập thể không trực tiếp chế biến mà đi mua cao đơn hoàn tán về để bán lại.

### b) Thuế lợi tức doanh nghiệp.

Tạm thời chưa thu thuế lợi tức doanh nghiệp vào các tổ chức chăn trị tập thể lương y được tổ chức và hoạt động theo quyết định số 171-BYT/QĐ ngày 6-5-1974 của Bộ Y tế (bán thuốc và hưởng thù lao theo giá cả của Sở, Ty y tế quy định).

3. Các tổ chức tập thể lương y phải khai trình với Ủy ban nhân dân xã, tiểu khu hoặc phường và phải đăng ký kinh doanh tại Ủy ban nhân dân huyện, thị

hoặc quận địa phương về việc trồng, chế biến dược liệu, kinh doanh dược liệu. Nếu được phép kinh doanh, các tổ chức tập thể lương y phải chấp hành chế độ mở sổ sách, ghi chép theo sự hướng dẫn, kiểm tra của cơ quan tài chính và y tế huyện, hoặc quận.

Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 1979.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng  
NGUYỄN LY

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT  
NHÀ NƯỚC

**QUYẾT ĐỊNH số 308-QĐ ngày 28-8-1979**  
ban hành 21 tiêu chuẩn Nhà nước.

**CHỦ NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC**

Căn cứ nghị định số 123-CP ngày 24-8-1963 của Hội đồng Chính phủ về việc nghiên cứu, xây dựng, xét duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp.